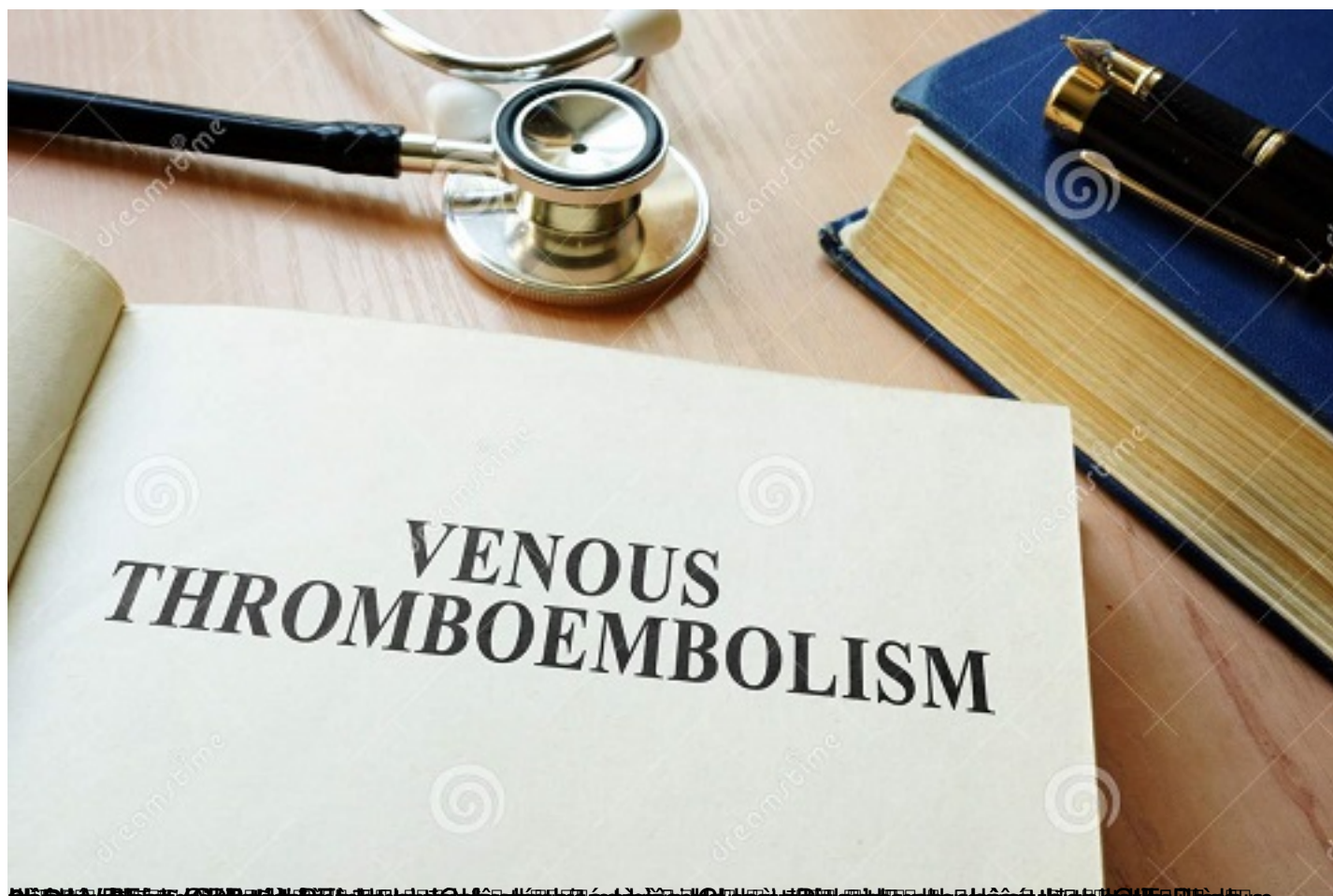


Bs Đinh Thị Hồng Nga - Khoa ICU

1. Định nghĩa

Huyết khối tĩnh mạch (VTE - venous thromboembolism) bao gồm: thuyên tắc phổi (PE-pulmonary embolism) và huyết khối tĩnh mạch sâu (DVT- deep venous thrombosis).

Có thể gọi huyết khối tĩnh mạch sâu và thuyên tắc phổi là 2 biểu hiện của cùng một bệnh vì huyết khối tĩnh mạch sâu hình thành trực tiếp trong các tĩnh mạch sâu ở chân, sau đó các phần tử huyết khối tĩnh mạch sâu bong ra, đi theo tĩnh mạch chủ dưới vào buồng tim phải và làm tắc một nhánh động mạch phổi gây ra thuyên tắc phổi. Các chuyên gia thường xem thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch là sát thủ thầm lặng vì hơn 80% bệnh nhân không có triệu chứng. Khoảng 10% các ca thuyên tắc phổi có triệu chứng khởi phát ngay trong vòng 1 giờ đầu và đa số bệnh nhân khởi phát vì thuyên tắc phổi lại không có triệu chứng của huyết khối tĩnh mạch sâu trước đó. Ghi nhận trong thập niên 1990 cho thấy hơn 70% các ca tử vong do thuyên tắc phổi chưa được xác định khi mất thì. Những người sống sót qua giai đoạn cấp, thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch có thể để lại 2 di chứng. Di chứng thứ nhất là hội chứng sau huyết khối (post-thrombotic syndrome) có biểu hiện về mặt lâm sàng là phù, loét và sưng da bên chân bị huyết khối tĩnh mạch sâu. Tỷ lệ tử vong sau huyết khối lâm sàng khoảng 5-10%. Di chứng thứ hai là tăng áp phổi mạn có nguồn gốc thuyên tắc huyết khối (chronic thromboembolic pulmonary hypertension), có tỷ lệ tử vong khoảng 4% sau 2 năm. Đây là một bệnh lý có những hậu quả rất xấu nếu không được chẩn đoán sớm và rút ngắn đáng kể tuổi thọ của bệnh nhân.



Ứ trệ
tĩnh mạch



Tổn thương nội
mạch tĩnh mạch

Tăng đông

Các yếu tố nguy cơ chung	Các yếu tố nguy cơ tại ICU
Tuổi tác	Nhiễm trùng huyết
Tiền sử bị huyết khối tĩnh mạch	Sử dụng thuốc vận mạch
Tiền sử bị ung thư	Suy hô hấp, suy tim
Bất động	Thuốc an thần
Béo phì	Thở máy
Mang thai	Catheter tĩnh mạch trung tâm
Chấn thương, chấn thương tủy sống	Suy thận giai đoạn cuối
Phẫu thuật gần đây	
Bị đánh	

